

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10-02-2026
V/v Tranh chấp xác định cha cho con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Kim Chi.

Bà Nguyễn Thị Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 440/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp xác định cha cho con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82a/2026/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Thanh Q, sinh ngày 18/10/1989.

Địa chỉ: Ấp K, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cước công dân số 082089001121 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04/4/2021.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Duy T, sinh năm 1994.

Chứng minh nhân dân số 341714750 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 04/8/2010.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Thanh P, sinh năm 1989.

Căn cước công dân số 087089017322 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/8/2021.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

2. Cháu Phạm Hoàng L, sinh ngày 18/12/2017. Số định danh cá nhân 087217012615.

Đại diện theo pháp luật của cháu L: Chị Phạm Thị Duy T, sinh năm 1994, địa chỉ ấp T, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Trần Thanh Q trình bày:

Năm 2017, anh Q quen biết và sống chung như vợ chồng với chị Phạm Thị Duy T, anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Hoàng L, sinh năm 18/12/2017. Tuy nhiên, tại thời điểm chị T sinh cháu L, chị T vẫn chưa chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh Lê Thanh P, đến ngày 09/3/2018, chị T và anh P chính thức ly hôn theo quyết định của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, khi làm thủ tục đăng ký khai sinh cho cháu L, trên giấy khai sinh của cháu thể hiện tên cha là anh P, theo Giấy khai sinh số 54/2018 ngày 13/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Trong quá trình chung sống, anh Q và chị T không đăng ký kết hôn nhưng cháu L vẫn do anh chị chăm sóc. Tuy nhiên, từ năm 2021 giữa anh Q và chị T phát sinh mâu thuẫn, chị T giao cháu L cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không còn sống cùng anh Q và cháu L. Hiện nay, khi đăng ký nhập học cho cháu L tại địa phương, do không có thông tin anh Q trên giấy khai sinh của cháu nên anh Q không thể đại diện cho cháu để thực hiện các thủ tục. Do đó, anh Q khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định cháu L là con đẻ của anh theo quy định. Ngoài ra, anh Q không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Phạm Thị Duy T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, chưa gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Thanh P có bản tự khai trình bày không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh Q về việc xác định cháu L là con đẻ của anh Q.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn chị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh P vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh Q, xác định cháu Phạm Hoàng L là con đẻ của anh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong

vụ án là “*Tranh chấp xác định cha cho con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Xét việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Bị đơn chị Phạm Thị Duy T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Thanh P mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh P.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh Q yêu cầu xác định cháu L là con đẻ của anh để anh thực hiện quyền đại diện cho cháu L theo quy định pháp luật. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, anh Q đã giao nộp bản sao Trích lục khai sinh của cháu L và bản chính Phiếu Kết quả xét nghiệm AND ngày 25/8/2023 của Trung tâm C. Trích lục khai sinh cho thấy, thông tin cha mẹ trên khai sinh của cháu L là anh Lê Thanh P và chị Phạm Thị Duy T, anh P không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Q, riêng chị T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không thể hiện ý kiến đồng tình hay phản đối. Bên cạnh đó, phiếu kết quả xét nghiệm đã kết luận: “Mẫu ADN ký hiệu TRẦN THANH Q và mẫu ADN ký hiệu PHẠM HOÀNG LONG **CÓ** quan hệ huyết thống Cha – Con, tần suất 99,9999362%”.

Do đó, anh Q yêu cầu xác định anh là cha đẻ của cháu L là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 88, Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do trên giấy khai sinh cháu L thể hiện thông tin cha là anh P, nên cả anh Q, chị T, anh P được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch cho cháu L theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu khởi kiện của anh Q thuộc trường hợp được miễn nộp án phí và đã có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí. Do đó, Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho anh Q.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 88, Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh Q.

Xác định anh Trần Thanh Q, sinh ngày 18/10/1989, căn cước công dân số 082089001121 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04/4/2021, trú tại ấp K, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp là cha đẻ của cháu Phạm Hoàng L, sinh ngày 18/12/2017, số định danh cá nhân 087217012615.

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hồ tịch cho cháu Phạm Hoàng L theo quy định của pháp luật.

2. Án phí: Anh Trần Thanh Q được miễn nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND KV2 – Đồng Tháp;
- Thi hành dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm